**MÔN: SINH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | PHÂN MÔN  ( CHỦ ĐỀ) | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 17/2 – 21/2 | Lớp chim | 43 | Chủ đề lớp chim tiết 1: Chim bồ câu | * Học sinh nắm được đặc điểm đời sống và sinh sản của chim bồ câu. * Nắm được đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu. | Giao bài trên classroom |
| Lớp chim | 44 | Chủ đề lớp chim tiết 2: Chim bồ câu (tiếp theo) | * Giải thích được các đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay lượn. * Phân biệt được kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay lượn. |
| 22/2 – 28/2 | Lớp chim | 45 | Chủ đề lớp chim tiết 3: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp chim | * Nắm được đặc điểm đặc trưng của các nhóm chim thích nghi với đời sống, từ đó thấy được sự đa dạng của chim. * Nắm được đặc điểm chung của chim về: lông, chi, mỏ, sinh sản và nhiệt độ cơ thể. * Nêu được lợi ích và tác hại của chim trong tự nhiên và trong đời sống con người. Cho ví dụ. | Giao bài trên classroom |
| Lớp chim | 46 | Chủ đề lớp chim tiết 4: Thực hành: Xem băng hình về đời sống và tập tính của chim. | * Sau khi xem xong băng hình, HS cần nắm được: đời sống và tập tính của chim bồ câu và 1 số loài chim khác. | Zoom |

**MÔN: CÔNG NGHỆ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **PHÂN MÔN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| 23 | Bài 51 | 25 | TH: Xác định nhiệt độ, độ trong, độ pH của nước nuôi thủy sản | **I. Chuẩn bị (SGK/138)**  **II. Quy trình thục hành**  **1. Đo nhiệt độ nư­ớc:**  *B1*: Nhúng nhiệt kế vào nư­ớc để khoảng 5 đến 10 phút.  *B2*: Nâng nhiệt kế ra khỏi nư­ớc và đọc ngay kết quả.  **2 Đo độ trong**:  *B1*: Thả từ từ đĩa Sếch xi xuống n­ước cho đến khi không thấy vạch đen, trắng (or xanh, trắng) và ghi độ sâu của đĩa (cm).  *B2*: Thả đĩa xuống sâu hơn, rồi kéo lên đến khi thấy vạch đen, trắng (or xanh trắng), ghi lại độ sâu của đĩa  Kết quả độ trong sẽ là số trung bình của 2 b­ước đo.  **3. Đo độ pH bằng ph­ương pháp đơn giản.**  *B1*: Nhúng giấy đo pH vào n­ước khoảng 1 phút.  *B2*: Đ­ưa lên so sánh với thang màu pH chuẩn. Nếu trùng với màu nào thì n­ước có độ pH t­ương đ­ương với pH của màu đó.  **III. Thực hành**  - Học sinh thực hành tại nhà và Báo cáo theo mẫu bảng sgk/140. | Classroom |
| Bài 52 | 26 | Thức ăn của động vật thủy sản (tôm,cá) | **I. Những loại thức ăn của tôm, cá:**  1. Thức ăn tự nhiên:  - Thức ăn tự nhiên là thức ăn có sẵn trong nước, rất giàu dinh dưỡng.  -Thức ăn tự nhiên bao gồm: vi khuẩn, thực vật thủy sinh động vật phù du, động vật đáy và mùn bã hữu cơ.  2. Thức ăn hỗn hợp:  - Là những thức ăn do con người tạo ra để cung cấp trực tiếp cho tôm, cá.  - Có 3 nhóm:  + Thức ăn tinh  + Thức ăn thô  + Thức ăn hỗn hợp  II. **Quan hệ về thức ăn:**  Vẽ sơ đồ 16 (sgk/142)  **Câu hỏi:** Nêu sự khác nhau giữa thức ăn nhân tạo và thức ăn tự nhiên. | Classroom |
| 24 | Bài 53 | 27 | TH: Quan sát để nhận biết các loại thức ăn của động vật thủy sản | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết**:  SGK/143  **II. Quy trình thực hành**:  - Bước 1: Quan sát tiêu bản thức ăn dưới kính hiển vi (15 x 8) từ 3 đến 5 lần.  - Bước 2: Quan sát các mẫu thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo của tôm, cá.  - Bước 3: quan sát hình vẽ và các mẫu vật thức ăn để tìm thấy sự khác biệt của 2 nhóm thức ăn.  **III. Thực hành**:  Học sinh tiến hành thực hành bước 2, bước 3 tại nhà và điền kết quả theo bảng (Sgk/trang 144) | Classroom |
| Bài 54 | 28 | Chăm sóc, quản lí và phòng trị bệnh cho động vật thủy sản (tôm, cá) | **I. Chăm sóc tôm, cá**:  1. Thời gian cho ăn:  Buổi sáng lúc 7-8 giờ. Lượng phân bón và thức ăn nên tập trung vào mùa xuân và các tháng 8 – 11.  2. Cho ăn:  - Cần cho tôm, cá ăn đủ chất dinh dưỡng và đủ lượng theo yêu cầu của từng giai đoạn, của từng loại tôm, cá.  - Cho ăn theo nguyên tắc “lượng ít và nhiều lần”.  Mỗi loại thức ăn có cách cho ăn khác nhau:  + Thức ăn tinh và xanh thì phải có máng ăn, giàn ăn.  + Phân xanh bó thành bó dìm xuống nước.  + Phân chuồng đã ủ hoai và phân vô cơ hòa tan trong nước rồi vải đều khắp ao.  **II. Quản lý**:  1. Kiểm tra ao nuôi tôm, cá:  2. Kiểm tra sự tăng trưởng của tôm, cá.  **III. Một số phương pháp phòng và trị bệnh cho tôm, cá:**  1. Phòng bệnh:  a. Mục đích:  Tạo điều kiện cho tôm, cá luôn luôn được khỏe mạnh, sinh trưởng và phát triển bình thường, không bị nhiễm bệnh.  b. Biện pháp:  - Thiết kế ao nuôi hợp lí.  - Cải tạo ao nuôi trước khi thả tôm, cá.  - Tăng sức đề kháng cho tôm, cá.  - Thường xuyên kiểm tra môi trường nước và hoạt động của tôm, cá để xử lí kịp thời.  - Dùng thuốc phòng trước cho tôm, cá để hạn chế và phòng ngừa bệnh dịch phát sinh.  2. Chữa bệnh:  a. Mục đích:  Dùng thuốc để tiêu diệt những tác nhân gây bệnh cho tôm, cá đảm bảo cho cá khỏe mạnh trở lại, sinh trưởng và phát triển bình thường.  b. Một số thuốc thường dùng:  - Hóa chất: vôi, thuốc tím.  - Tân dược: Sunfamit, Ampicilin.  - Thảo mộc: tỏi, cây thuốc cá.  **Câu hỏi 1:** Trình bày tóm tắt các biện pháp chăm sóc tôm cá.  **Câu hỏi 2:** Biện pháp phòng bệnh tôm cá? | Trực tuyến |

**MÔN: ĐỊA LÝ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | PHÂN MÔN  ( CHỦ ĐỀ) | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 23 | **KHU VỰC TRUNG VÀ NAM MĨ** | 43 | **THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MĨ (TT)** | **2. Sự phân hóa tự nhiên**  **a. Khí hậu**  - Có gần đủ các kiểu khí hậu trên trái đất do đặc điểm của vị trí và địa hình khu vực.  - Phần lớn lãnh thổ thuộc đới nóng.  **b. Các đặc điểm khác của môi trường tự nhiên**  - Thiên nhiên Trung và Nam Mĩ rất phong phú và đa dạng.  - Có sự phân hóa theo chiều từ Bắc 🡪 Nam, từ Đông 🡪 Tây, từ thấp 🡪 cao.  Nguyên nhân :  - Lãnh thổ kéo dài theo chiều kinh tuyến  - Có dãy núi An đét cao đồ sộ. | Hướng dẫn tự học qua Classroom |
| 23 | **KHU VỰC TRUNG VÀ NAM MĨ** | 44 | **DÂN CƯ TRUNG**  **VÀ NAM MĨ.** | **1. Dân cư**  - Phần lớn là người lai, có nền văn hoá Latinh độc đáo do sự kết hợp ba dạng văn hoá Anhđiêng, Phi và Âu  - Dân cư phân bố không đều do có sự khác nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế và lịch sử khai thác lãnh thổ.  - Dân cư có tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao 1,7%  **3. Đô thị hóa**  - Tốc độ đô thị hoá nhanh nhất thế giới.  - Quá trình đô thị hóa mang tính chất tự phát, tỉ lệ dân đô thị cao.  => Xuất hiện nhiều vấn đề xã hội : tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm cao, sự phân hóa giàu nghèo,… | Hướng dẫn tự học qua Classroom |
| 24 | **KHU VỰC TRUNG VÀ NAM MĨ** | 45 | **KINH TẾ TRUNG VÀ NAM MĨ** | **1. Nông nghiệp**  **a. Các hình thức sở hữu trong nông nghiệp.**  Hai hình thức là tiểu điền trang và đại điền trang.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Các yếu tố*** | ***Đại điền trang*** | ***Tiểu điền trang*** | | ***Diện tích đất*** | 60% diện tích đất tự nhiên và  đồng cỏ. | Dưới 5 ha | | ***Dân số*** | Các đại điền chủ ( 5% dân số) | Các hộ nông dân ( 90% - 95% dân số) | | ***Hình thức***  ***canh tác*** | Máy móc hiện đại, sản xuất theo lối quảng canh. | Dụng cụ thô sơ: sử dụng sức kéo của gia súc và lao động chân tay. | | ***Nông sản***  ***chính*** | Sản phẩm cây công nghiệp, cây ăn quả, nuôi cừu, bò, lạc đà. | Sản phẩm cây lương thực với quy mô nhỏ. | | ***Mục đích sản xuất*** | Xuất khẩu thu ngoại tệ. | Tự cung tự cấp |   - Để giảm bớt sự bất hợp lí trong sở hữu ruộng đất: một số quốc gia đã ban hành luật cải cách ruộng đất nhưng ít thành công.  - Riêng Cuba đã tiến hành thành công cải cách ruộng đất.  b. **Các ngành nông nghiệp**  **\*** Ngành trồng trọt**:**  - Do lệ thuộc vào nước ngoài, trồng trọt mang tính chất độc canh.  - Mỗi quốc gia trồng một số loại cây công nghiệp, cây ăn quả để xuất khẩu và phải nhập lương thực.  + Eo đất Trung Mĩ: Mía, bông, cà phê, đặc biệt là chuối.  + Quần đảo Ăng ti: Cà phê, ca cao, thuốc lá, đặc biệt là mía (Cu - ba).  + Nam Mĩ: bông, chuối, ca cao, mía, cây ăn quả. Đặc biệt là Cà phê (Braxin).  \* Chăn nuôi**:** Một số nước phát triển chăn nuôi gia súc theo quy mô lớn:  - Bò: Braxin, Ác hen ti na...  - Cừu, lạc đà: vùng núi Trung An đét.  - Đánh cá: Pêru có sản lượng vào bậc nhất thế giới. | Dạy onl |
| 24 | **KHU VỰC TRUNG VÀ NAM MĨ** | 46 | **KINH TẾ TRUNG VÀ NAM MĨ (TT)** | 2. Công nghiệp - Các ngành công nghiệp chủ yếu: Khai thác khoáng sản, sơ chế nông sản và chế biến thực phẩm để xuất khẩu.  - Các ngành công nghiệp ở Trung và Nam Mĩ phân bố không đều, tập trung chủ yếu ven biển.  - Các nước Công nghiệp mới có nền kinh tế phát triển nhất khu vực: Braxin, Achentina, Chi lê, Vênêxuêlala. 3. Vấn đề khai thác rừng Amazôn **\* Vai trò của rừng Amazon:**  - Là lá phổi xanh của Thế Giới.  - Vùng dự trữ sinh học quý giá.  **\* Thuận lợi:**  - Rừng rậm nhiệt đới chiếm diện tích lớn nhất Thế Giới.  - Đất đai màu mỡ.  - Khí hậu nhiệt đới nóng ẩm.  - Mạng lưới sông ngòi dày đặc.  - Nhiều khoáng sản có trữ lượng lớn.  🡺 Phát triển nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải đường sông.  **\* Hiện trạng:** Rừng đang bị khai thác để lấy gỗ và đất canh tác làm cho môi trường rừng Amazon bị hủy hoại dần.  **\*Ảnh hưởng tiêu cực của việc khai thác rừng:**  - Môi trường rừng Amazôn bị hủy hoại dần.  - Tác động xấu đến khí hậu khu vực - toàn cầu. 4. Khối thị trường chung Mec-cô-xua - Thành lập năm 1991, hiện nay gồm 6 quốc gia: Braxin, Chi Lê, Ác-hen-ti-na, Bôlivia, Urugoay, Paragoay.  - Mục tiêu: Thoát khỏi sự lũng đoạn kinh tế của Hoa Kì.  - Vai trò: tăng cường quan hệ ngoại thương phát triển kinh tế giữa các nước thành viên. | Hướng dẫn tự học qua Classroom |

**MÔN: VẬT LÝ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | PHÂN MÔN  ( CHỦ ĐỀ) | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 23 | ĐIỆN HỌC | 22 | Chất dẫn điện và chất cách điện – dòng điện trong kim loại . | - Nhận biết được vật liệu dẫn điện là vật liệu cho dòng điện đi qua, vật liệu cách điện là vật liệu không cho dòng điện đi qua.  - Kể tên được một số vật liệu dẫn điện và vật liệu cách điện thường dùng.  - Nêu được dòng điện trong kim loại là dòng các êlectrôn tự do dịch chuyển có hướng. |  |
| 24 | 23 | Sơ đồ mạch điện – chiều dòng điện. | - Nêu được quy ước về chiều dòng điện. Nêu được quy ước chiều dòng điện. So sánh chiều dòng điện và chiều của các electron tự do trong kim loại  - Vẽ được sơ đồ của mạch điện đơn giản đã được mắc sẵn bằng các kí hiệu đã được quy ước.  - Mắc được mạch điện đơn giản theo sơ đồ đã cho.  - Chỉ được chiều dòng điện chạy trong mạch điện.  - Biểu diễn được bằng mũi tên chiều dòng điện chạy trong sơ đồ mạch điện. |  |

**MÔN:TOÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần thứ** | **Đại số** | | **Hình học** | |
| **21**  (3/HK2) | Tiết | Nội dung | Tiết | Nội dung |
| 41 | Số trung bình cộng | 42 | Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông |

**Ghi chú:** Các tiết luyện tập sau đây các đ/c GV cho dưới dạng phiếu học tập (hoặc phiếu bài tập) để HS làm coi như BTVN.

Tuần 21: Đại (tiết 40: LT) ; Hình (tiết 40: LT1)

Tuần 22: Đại (tiết 42: LT); Hình (tiết 41: LT2)

**MÔN: TIẾNG ANH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | PHÂN MÔN  ( CHỦ ĐỀ) | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 17/2 đến 20/2 | Tiếng Anh 6,7,8 | 62+ 63 | Unit 8:lesson 2  Unit 8: lesson 3 | Unit 8:lesson 2  Unit 8: lesson 3 |  |
| 22/2 đến 28/2 | Tiếng Anh 6,7,8 | 64+ 65 | Unit 8:lesson 4  Unit 8: lesson 5 | Unit 8:lesson 4  Unit 8: lesson 5 |  |

**MÔN: TIẾNG PHÁP**

**MÔN: NGỮ VĂN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **PHÂN MÔN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI** | **NỘI DUNG**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| 23 | Tiếng Việt | 83 | ***Câu đặc biệt*** | \*Giúp HS: - Nắm được khái niệm về câu đặc biệt và hiểu được các tác dụng của câu đặc biệt.  - Biết sử dụng câu đặc biệt trong những tình huống nói và viết cụ thể. |  |
| Tập làm văn | 84 | ***HDTH: Bố cục và phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận*** | \*Giúp HS: Qua phần tự học  - Hiểu được thế nào là mạch lạc và tầm quan trọng của mạch lạc trong văn bản.  - Có kĩ năng tạo lập một văn bản có tính mạch lạc. |  |
| 24 | Tập làm văn  Tiếng Việt | 85 | ***Luyện tập về phương pháp lập luận trong văn nghị luận*** | \*Qua phần luyện tập giúp HS:  - Hiểu được khái niệm *lập luận* và phân biệt được sự khác nhau giữa lập luận trong đời sống và lập luận trong văn nghị luận.  - Có kĩ năng lập luận khi tạo lập một văn bản nghị luận. |  |
| 86- 87 | ***Thêm trạng ngữ cho câu (2 tiết)*** | - Nắm vững các đặc điểm về trạng ngữ, nhận biết được trạng ngữ trong câu.  - Xác định được các công dụng của trạng ngữ. |  |
| Tập làm văn | 88 | **Chủ đề 3**: ***Rèn kĩ năng viết văn nghị luận chứng minh qua một số VB nghị luận***  ***(Tiết 1)*** | \*Giúp HS:- Hiểu được thế nào là phép lập luận chứng minh và nắm được mục đích, tính chất của các yếu tố của phép lập luận CM. - Nắm được các bước làm một bài văn nghị luận theo phép lập luận chứng minh và có kĩ năng tạo lập một văn bản lập luận chứng minh. |  |

***Lưu ý : Giáo viên dạy chậm theo kế hoạch trên tự bố trí dạy bù, linh hoạt theo thời gian của mỗi lớp.***

**MÔN: GDCD**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Phân môn**  **(Chủ đề)** | **Tiết** | **Tên bài** | **Nội dung cần đạt** | **Ghi chú** |
| **(17/2-20/2)** |  | 21 | Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ( Tiết 1) | - Hiểu khái niệm môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Biết những yếu tố thuộc về môi trường và tài nguyên thiên nhiên | Cập nhật thông tin và số liệu mới về môi trường và TNTN |
| **(22/2-27/2)** |  | 22 | Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ( Tiết 2) | - Hiểu được thế nào là bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Thực hiện những giải pháp để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Lên án và ngăn chặn các hành vi phá huỷ đến môi trường. | Khuyến khích hs tự học Nội dung bài học phần c |

***Lưu ý : Giáo viên dạy chậm theo kế hoạch trên tự bố trí dạy bù, linh hoạt theo thời gian của mỗi lớp.***

**MÔN: LỊCH SỬ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Phân môn | Tiết | Tên bài | Nội dung cần đạt | Ghi chú |
| Từ 17/2 đến 20/2 |  | 43  44 | Bài 20. Nước Đại Việt thời Lê Sơ ( 1428 – 1527)  Bài 20. Nước Đại Việt thời Lê Sơ ( 1428 – 1527) | HS trình bày được chế độ giáo dục -thi cử thời Lê và thấy được thời Lê Sơ rất được coi trọng giáo dục   * Trình bày được tình hình văn hóa, khoa học, nghệ thuật thời Lê Sơ.   -Học sinh thấy được những đóng góp nổi bật của vua Lê thánh Tông và Nguyễn Trãi trên lĩnh vực văn học, khoa học.  -Những đóng góp của Ngô Sĩ Liên, Lương Thế Vinh.  -Biết kính trọng, khâm phục, những vị tiền bối này  -Tự hào về dân tộc có nhiều danh nhân.  -GD học sinh phải có ý thức, trách nhiệm tu dưỡng, rèn luyện.  -Có kỹ năng so sánh, phân tích, nhận xét những đóng góp của những anh hung | Giao bài tập qua classroom và nhận bài làm của HS qua trang này hoặc gmail của Gv   * Khuyến khích HS tự đọc * Hướng dẫn HS lập bảng thống kê theo từng lĩnh vực |
| 22/2 đến 27/2 |  | 45  46 | Ôn tập  Làm bài tập lịch sử | * Củng cố và khắc sâu những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam ở thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI thời Lê sơ. * Hiểu được sự phát triển toàn diện của đất nước ta thời kì này. * So sánh được điểm giống và khác nhau giữa thời kì Lê sơ với thời Lý –Trần.   -Hệ thống lại các kiến thức đã học ơ chương IV.  -Rèn luyện cho học sinh khả năng phân tích, so sánh  -Giáo dụccho học sinh lòng yêu thích môn học | Dạy học qua Zoom |

**MÔN: MỸ THUẬT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | PHÂN MÔN  ( CHỦ ĐỀ) | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 23 | Mĩ thuật 7 | 23 | Trưng bày và giới thiệu sản phẩm | Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm. |  |
| 24 | Mĩ thuật 7 | 24 | Tìm hiểu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Italia thời kì Phục Hưng | Hiểu và trình bày được sơ lược về mĩ thuật Italia thời kì Phục Hưng |  |

**MÔN: ÂM NHẠC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | PHÂN MÔN  ( CHỦ ĐỀ) | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 23 | Âm nhạc 7 | 22 | Học hát : Khúc ca bốn mùa |  |  |
| 24 | Âm nhạc 7 | 23 | -Ôn tập bài hát: Khúc ca bốn mùa  -TĐN: TĐN số 7 |  |  |

**MÔN: THỂ DỤC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Phân môn  Chủ đề | Tiết | Tên Bài | Nội dung cần đạt | Ghi chú |
| 23 | Thể dục 7 | 45,46 | **- Bài TD:** Ôn 6 động tác: Vươn thở, tay, chân, lườn, bụng, phối hợp; Học 2 động tác: Thăng bằng, nhảy.  **- Bật nhảy:** Ôn động tác đà 3 bước giậm nhảy vào hố cát; Trò chơi “Khéo vướng chân”.  **- Chạy bền:** Chạy trên địa hình tự nhiên | - Thuộc 6 động tác TD đã học và 2 động tác mới.  - Thực hiện được 3 bước đà giậm nhảy vào cát , đệm.  - Chạy trên địa hình tự nhiên 5 phút- 10 phút. |  |
| 24 | Thể dục 7 | 47,48 | **- Bài TD:** Luyện tập nâng cao chất lượng bài thể dục 9 động tác: Vươn thở, tay, chân, lườn, bụng, phối hợp, thăng bằng, nhảy, điều hoà.  **- Bật nhảy:** Ôn chạy đà tự do, nhảy xa; Nhảy “Bước bộ” trên không; Trò chơi “Nhảy vào vòng tròn tiếp sức”. | - Thuộc 9 động tác TD đã học.  - Thực hiện được 3 bước đà giậm nhảy vào cát , đệm.  Tự luyện tập được |  |